

DỰ PHÒNG TỔN THẤT TÍN DỤNG TÍCH CỰC

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP DỰ PHÒNG CHO TỔN THẤT TÍN DỤNG ĐANG ĐƯỢC ÁP DỤNG HIỆN NAY

Theo chuẩn mực hạch toán chi phí quá khứ, các khoản dự phòng được trích lập cho các khoản tổn thất được công nhận vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Theo chuẩn mực kế toán của Anh, đối với các khoản dự phòng cụ thể, dựa vào các thông tin và các sự kiện hiện tại, một khoản vay được coi là có chất lượng xấu khi người cho vay nhận định rằng uy tín của người vay đã sụt giảm đến mức mà ngân hàng không còn dự đoán là sẽ thu hồi được đầy đủ khoản nợ đó. Như vậy, các khoản dự phòng cụ thể chỉ được trích lập đối với những khoản tín dụng đã được xác định một cách rõ ràng là đã suy yếu về chất

Việt Dũng *

lượng.

Đối với các khoản dự phòng chung, kinh nghiệm đã chỉ ra rằng các danh mục cho vay thường bao gồm những khoản tín dụng mà trên thực tế là đã suy yếu về chất lượng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng vẫn chưa được xác định một cách cụ thể là những khoản nợ xấu cho đến một lúc nào đó trong tương lai... Để dự phòng rủi ro cho những khoản tín dụng được xác định là kém chất lượng trong tương lai, một khoản dự phòng chung sẽ được tạo lập.

Sự khác biệt giữa hai phương pháp này chủ yếu là ở việc áp dụng thực tiễn: trong cả hai trường hợp,

các khoản dự phòng chỉ được tạo lập cho những khoản tín dụng mà ngân hàng tin là đang tồn tại tính đến ngày bảng cân đối kế toán. Phương pháp lập dự phòng theo các chuẩn mực kế toán của Mỹ và của quốc tế cũng tương tự như vậy (Hộp 1)

Phương pháp hạch toán này hơi khác với phương pháp hạch toán được thể hiện ngầm trong hoạt động cho vay của các ngân hàng. Các ngân hàng dự kiến rằng: hàng năm, một phần nhất định các danh mục cho vay của họ sẽ bị tổn thất vì một số người vay sẽ không có khả năng hoàn trả các khoản vay ngân hàng. Đây là những "khoản tổn thất dự tính" nhưng các khoản tổn thất thực tế có thể khác hẳn với những gì mà một ngân hàng đã dự tính trước đó. Ví dụ, các khoản tổn thất bất ngờ có thể

HỘP 1: CÁC QUI TẮC HẠCH TOÁN ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Ở Anh

Theo qui định của Hiệp hội ngân hàng Anh về phương pháp hạch toán trích lập dự phòng:

+/ Số tiền của một khoản dự phòng cụ thể phải là ước tính của ngân hàng về số tiền cần thiết để cắt giảm giá trị khoản vay tại thời điểm khởi tạo (giá trị ban đầu) trừ đi bất cứ số dự phòng nào đã được trích lập xuống còn giá trị ròng dự tính cuối cùng mà có thể thu hồi được.

+/ Không có một nguyên nhân cụ thể nào dẫn đến việc trích lập dự phòng – nó thường là một sự kiện vỡ nợ nhưng các khoản dự phòng phải được trích lập bất cứ khi nào có thông tin về sự giảm sút chất lượng của các khoản vay.

+/ Các khoản dự phòng chung phải được trích lập cho những khoản vay đã bị giảm sút về chất lượng nhưng vẫn chưa được xác định một cách cụ thể. Việc đánh giá cho dự phòng chung là mang tính "chủ quan một cách tất yếu" nhưng phải tính đến kinh nghiệm quá khứ và các điều kiện kinh tế hiện tại.

Mặc dù trong thực tế, một số ngân hàng đã xây dựng các chính sách trích lập dự phòng với nhiều yếu tố hướng về tương lai nhằm bù đắp một lượng tổn thất nào đó trong suốt thời hạn của một khoản tín dụng, các khoản dự phòng chung chỉ chiếm một phần khá nhỏ trong tổng dự phòng. Điều này một phần là vì các khoản dự phòng chung là không được giảm trừ thuế và Hiệp ước vốn của Basel (1988) đã giới hạn số dự phòng chung được đưa vào trong vốn dự trữ bắt buộc tối thiểu ở mức 1,25% tổng tài sản Có rủi ro.

Ở Mỹ

Mỹ có một hệ thống giống như của Anh, trong đó các khoản dự phòng chỉ được dành cho các khoản tổn thất tín dụng đã xảy ra. Theo Các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi của Mỹ (GAAP), "không được công nhận các khoản tổn thất trước khi cho rằng chúng có thể đã xảy ra, kể cả khi dựa vào kinh nghiệm quá khứ để có thể cho rằng các khoản tổn thất sẽ phát sinh trong tương lai".

Các ngân hàng Mỹ trích lập và duy trì đầy đủ "dự phòng cho các tổn thất tín dụng và cho thuê tài chính"

*Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(ALLL) để bù đắp các khoản tổn thất tín dụng dự tính hiện có, mặc dù người ta thừa nhận rằng việc quyết định mức ALLL này được căn cứ nhiều vào sự đánh giá chủ quan của các ngân hàng. Để đảm bảo tính hợp lý của ALLL, các nhà thanh tra ngân hàng nhìn vào hệ thống quản lý và phương pháp đo lường rủi ro tín dụng của các ngân hàng và thực hiện các phân tích định lượng đối với ALLL như một phần của một sự đánh giá toàn diện danh mục cho vay và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ của danh mục đó. Khi các nhà thanh tra kết luận rằng mức ALLL của một ngân hàng thấp hơn so với mức thích hợp, ngân hàng này sẽ phải trích lập thêm dự phòng.

Các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS)

Đến năm 2005, các công ty của Liên minh Châu Âu có cổ phiếu được niêm yết công khai trên thị trường chứng khoán phải thực hiện theo IAS. IAS 39 bao gồm việc công nhận và đo lường các công cụ tài chính, trong đó có sự suy yếu của các công cụ tài chính. IAS 39 coi một khoản vay là bị suy yếu nếu, trên cơ sở các chứng cứ khách quan, ngân hàng không thể thu hồi lại được một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản vay đó, thì giá trị của khoản tín dụng tại thời điểm khởi tạo (trừ đi phần dự phòng đã trích lập) là lớn hơn giá trị có thể thu hồi được dự tính. Các chứng cứ khách quan bao gồm: 1) tình hình khó khăn về tài chính của người vay; 2) người vay vi phạm hợp đồng tín dụng; và 3) khả năng phá sản cao. Một tiêu chí đánh giá nữa là hình mẫu lịch sử của việc thu hồi các khoản phải thu cho thấy rằng tổng mệnh giá của một danh mục các khoản phải thu sẽ không thu hồi được – đây là một khái niệm gần giống với tổn thất dự tính.

phát sinh do một cuộc suy thoái kinh tế trầm trọng một cách khác thường gây ra. Khi tính toán mức tổn thất ngoài dự tính, các ngân hàng ngày càng quan tâm đến một khoảng tin cậy xung quanh con số tổn thất dự tính để đảm bảo không vượt quá một lượng nhất định.

Trong việc định giá các khoản vay, về nguyên tắc, các ngân hàng sẽ xác định lãi suất để bù đắp các khoản tổn thất dự tính và để bù đắp cho chi phí của vốn dự trữ để bù đắp cho tổn thất ngoài dự tính. Chế độ kế toán hiện tại không đề cập đến các vấn đề đối với việc định giá tín dụng nếu thu nhập từ lãi cho vay bù đắp đầy đủ tổn thất dự tính, nhưng nó có thể bóp méo việc đo lường thu nhập của ngân hàng, ít nhất là về mặt thời điểm thực hiện. Nó có thể dẫn đến các khoản lợi nhuận lớn trong suốt thời kỳ bùng nổ kinh tế (khi mà các khoản tổn thất thực tế thường là thấp), và các khoản tổn thất lớn trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế (khi các khoản tổn thất thực tế là cao), thậm chí trong suốt thời kỳ đó thu nhập từ lãi suất bù đắp vừa đủ số tổn thất dự tính. Sự biến động trong thu nhập của ngân hàng có thể dẫn đến sự biến động trong nền kinh tế. Ví dụ, vấn đề này có thể xảy ra nếu lợi nhuận cao hơn và

vốn gia tăng khuyến khích các ngân hàng mở rộng tín dụng cho nền kinh tế trong thời kỳ bùng nổ kinh tế.

DỰ PHÒNG TÍCH CỰC, THU NHẬP NGÂN HÀNG VÀ VỐN NGÂN HÀNG

Một phương pháp khác thay thế cho phương pháp hiện tại để đo lường tổn thất tín dụng và thu nhập của ngân hàng là “dự phòng tích cực”. Nguyên tắc căn bản của dự phòng tích cực là các khoản dự phòng được trích lập cho các khoản dư nợ tín dụng trong mỗi thời kỳ kế toán phù hợp với mức tổn thất dự tính dài hạn. Nói chung, mức dự phòng dựa trên cơ sở này sẽ ít phụ thuộc hơn vào các biến động mạnh của nền kinh tế so với phương pháp hiện tại. Các khoản tổn thất tín dụng sẽ tác động đến các tài khoản lãi, lỗ và bảng cân đối kế toán của ngân hàng một cách vừa phải hơn so với hiện tại, bởi vì có sự tồn tại của các tổn thất dự tính chứ không phải là tổn thất thực tế trong phương pháp dự phòng tích cực.

Không có một sự cụ thể hoá duy nhất và thống nhất về việc thực hiện phương pháp dự phòng tích cực trong thực tế. Do đó, bài viết này đề cập đến các nguyên tắc chính với các đặc điểm chủ chốt được miêu tả qua một ví dụ đơn giản. Nói chung, dự phòng tích cực có thể xây dựng

một tấm đệm (vốn dự trữ) để bù đắp tổn thất dự tính kể từ khi một khoản tín dụng được cấp cho khách hàng. Mức dự phòng này sẽ tích tụ nhiều hơn trong bất cứ năm nào có tổn thất thực tế thấp hơn tổn thất dự tính, và trong năm có tổn thất thực tế vượt quá tổn thất dự tính thì mức dự phòng sẽ bị giảm xuống. Một số ngân hàng lớn của thế giới đã trích lập dự phòng tín dụng dựa trên cơ sở này để phục vụ cho các mục đích quản lý kế toán nội bộ.

Một vấn đề quan trọng là những khoản tổn thất nào sẽ tác động đến tài khoản lãi và lỗ của ngân hàng trong một kỳ kế toán nhất định. Nguyên tắc căn bản đằng sau phương pháp dự phòng tích cực cho thấy rằng các khoản tổn thất thực tế sẽ không được trừ vào thu nhập khi tính toán thu nhập ròng của ngân hàng và thay vào đó là lấy thu nhập trừ đi dự phòng cho tổn thất dự tính. Các khoản tổn thất thực tế sẽ được bù đắp bởi các khoản dự phòng tổn thất dự tính, bao gồm cả các khoản dự phòng tổn thất dự tính được tích tụ trong những năm trước. Tuy nhiên, nếu ngân hàng gây ra một khoản tổn thất lớn hơn số dự phòng tích cực tích lũy thì việc hạch toán trực tiếp phần chênh lệch thừa này vào tài khoản lãi và lỗ có thể là thích hợp.

Về nguyên tắc, các khoản tổn

thất thực tế có thể được bù đắp bởi vốn dự phòng cho tổn thất dự tính có thể bao gồm các khoản nợ xấu mà cần cứ vào đó, các khoản dự phòng cụ thể được trích lập và các khoản nợ được xoá. Trong phần tiếp theo và các ví dụ dưới đây, các khoản tổn thất thực tế được thể hiện duy nhất bởi các khoản dự phòng cụ thể. Các khoản nợ được xoá (các khoản nợ được loại bỏ hoàn toàn khỏi một danh mục tin dụng) sẽ chỉ có một tác động bổ sung lên thu nhập của một ngân hàng chứng nào mà chúng không được bù đắp bởi các khoản dự phòng cụ thể thích hợp.

Trên lý thuyết, vốn tự có của các ngân hàng được sử dụng để bù đắp tổn thất ngoài dự tính, còn các khoản tổn thất dự tính được bù đắp bởi lãi thu được từ hoạt động cho vay. Tuy nhiên, hiện tại ở hầu hết các nước vẫn chưa có một cơ chế có tính hệ thống để đảm bảo rằng vốn dự trữ được trích lập để bù đắp cho các khoản tổn thất dự tính. Dự thảo Hiệp ước Basel 2 đặt ra các yêu cầu về vốn dự trữ bắt buộc là nhằm để bù đắp cả tổn thất dự tính và ngoài dự tính. Tuy nhiên, nếu muốn áp dụng phương pháp dự phòng tích cực trong thực tế, Hiệp ước này phải được sửa đổi để tính đến điều này. Một vấn đề khác liên quan đến Hiệp ước này là vốn dự trữ bắt buộc của ngân hàng, theo định nghĩa, bao gồm các khoản dự phòng chung, tính đến một giới hạn trần. [Các khoản dự phòng chung được tính như một phần của vốn cấp 2, tới một giới hạn trần là 1,25% tổng tài sản Có chuyển đổi rủi ro (và phụ thuộc vào yêu cầu là tổng vốn cấp 2 không thể vượt quá vốn cấp 1)]. Định nghĩa này được xác định khi Hiệp ước Basel hiện tại được nhất trí vào năm 1988. Nếu Hiệp ước này được sửa đổi để vốn tự có của ngân hàng chỉ bù đắp cho các khoản tổn thất ngoài dự tính, thì chúng nào các khoản dự phòng chung được coi là để bù đắp cho một phần của các khoản tổn thất dự tính, định nghĩa về vốn dự trữ bắt buộc sẽ cần phải được thay đổi để loại trừ các khoản dự phòng chung.

THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ PHÒNG KHÁC NHAU

Một ví dụ số học đơn giản được sử dụng dưới đây để so sánh các phương pháp dự phòng hiện tại với phương pháp dự phòng "tích cực". Ví dụ này là một danh mục cho vay gồm 100 đơn vị (ví dụ, mỗi đơn vị gồm 100 khoản tín dụng riêng rẽ). Giả sử, thời hạn của các khoản vay là 5 năm,

với một mức lãi suất cố định là 6% và chi phí vốn là 4%, tức là thu nhập lãi suất ròng là 2%, các khoản tổn thất dự tính là 1%/năm; và tỷ lệ phần trăm các khoản nợ xấu thực tế – mà ngân hàng cần cứ vào đó để trích lập các khoản dự phòng cụ thể - là bằng 0 trong hai năm đầu tiên, và lần lượt là 1%, 3% và 1% trong năm thứ 3, thứ 4 và thứ 5.

Phương pháp hạch toán chi phí quá khứ (đây là phương pháp hiện đang được sử dụng.)

(Xem bảng 1)

Ví dụ này phản ánh sự biến động mà phương pháp hạch toán chi phí dự phòng quá khứ có thể gây ra: tài khoản lãi và lỗ biến động từ một số dư dương là 2% giá trị tài sản trong năm thứ nhất và năm thứ hai đến một khoản lỗ là 1% trong năm thứ tư.

Dự phòng tích cực

Dự phòng tích cực công nhận rằng trên thực tế, hình mẫu của các khoản tổn thất dự tính và thực tế của mỗi năm rất có thể là khác nhau. Căn cứ vào các khoản tổn thất hằng năm dự tính trong thời hạn dài, một mức dự phòng có tính hướng đến tương lai được trích lập mỗi năm.

Trên bảng cân đối kế toán, các khoản tổn thất thực tế (các khoản dự phòng cụ thể) có thể bị trừ đi khỏi quỹ dự phòng tích tụ cho tổn thất dự tính khi chúng phát sinh. Mỗi năm mà trong đó, mức tổn thất thực tế là ít hơn mức tổn thất dự tính, tổng số dự phòng cho tổn thất dự tính sẽ tăng; tương tự, tổng số dự phòng cho tổn thất dự tính sẽ giảm nếu các khoản tổn thất thực tế trong một thời kỳ vượt quá mức dự tính. Trong tài khoản lãi và lỗ, các khoản tổn thất dự tính sẽ được hạch toán vào tài khoản lãi và lỗ của năm hiện tại. Bất cứ khoản dự phòng tổn thất dự tính "không được sử dụng" đều sẽ được tắt toán nếu và khi danh mục cho

Bảng 1:

	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
Bảng cân đối kế toán					
Giá trị trên bảng cân đối kế toán của các khoản vay	100	100	100	100	100
Tổng các khoản dự phòng cụ thể (giá trị cuối năm)	0	0	1	4	5
Giá trị trên bảng cân đối kế toán của các khoản vay sau dự phòng (giá trị cuối năm)	100	100	99	96	95
Báo cáo thu nhập					
Thu nhập lãi suất ròng	2	2	2	2	2
Chi phí cho các khoản dự phòng cụ thể	0	0	1	3	1
Tổng lãi và lỗ	2	2	1	(1)	1

vay tương ứng đáo hạn.

Cần phải nhấn mạnh rằng nguyên tắc dự phòng tích cực có thể được thực hiện theo nhiều cách: một loạt các vấn đề về thực hiện nguyên tắc này được nêu ra dưới đây. Bảng 2 chỉ ra cơ chế dự phòng tích cực cho ví dụ đơn giản của chúng ta, qua đó nhấn mạnh những đặc điểm chung của phương pháp này.

Bảng 2 cho thấy phương pháp dự phòng tích cực có thể được phản ánh như thế nào trên bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Trong bảng cân đối kế toán, các khoản dự phòng tổn thất dự tính tích tụ dần lên trong những năm trước khi các khoản tổn thất thực tế là thấp, nhưng sau đó lại giảm dần khi các khoản tổn thất thực tế trở thành hiện thực. Trong báo cáo thu nhập, các khoản tổn thất dự tính được tính trừ vào thu nhập lãi suất ròng.

Với phương pháp dự phòng tích cực, tính ổn định cao hơn của thu nhập ngân hàng phụ thuộc vào các khoản tổn thất thực tế biến động qua

thời gian. Nếu các khoản tổn thất thực tế ít biến động và gần tương đương với tổn thất dự tính, thì kết quả của phương pháp dự phòng hiện tại và phương pháp dự phòng tích cực sẽ không khác nhau nhiều. Tính ổn định cao hơn của thu nhập ngân hàng cũng đòi hỏi các khoản dự phòng tích cực phải được tích lũy trước khi nền kinh tế bị suy thoái - điều này sẽ không thể xảy ra nếu phương pháp dự phòng tích cực được bắt đầu sử dụng khi nền kinh tế ở trong tình trạng suy thoái. Hơn nữa, nó phụ thuộc vào khả năng ước tính một cách tương đối chính xác các khoản tổn thất dự tính dài hạn.

(Hộp 2)

CÁC VẤN ĐỀ TRONG VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP DỰ PHÒNG TÍCH CỰC

Một loạt các vấn đề cần phải được giải quyết trước khi phương pháp dự phòng tích cực có thể được thực hiện trong thực tiễn, đó là:

Các ngân hàng có thể đưa ra

được những ước tính đáng tin cậy về mức tổn thất dự tính dài hạn?

Các ngân hàng phải đánh giá được về các khoản tổn thất có thể xảy ra trong tương lai để định giá các khoản tín dụng. Hơn nữa, các ngân hàng mong muốn sử dụng phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ theo dự thảo Hiệp ước Basel 2 sẽ cần phải đưa ra những ước tính như vậy. Các ngân hàng có thể làm được việc này nếu họ có các số liệu về các khoản tổn thất trong quá khứ, đồng thời họ cũng phải tính đến các yếu tố có thể khiến cho tổn thất tín dụng biến động khác thường trong tương lai.

Nên có duy nhất một quỹ dự trữ dành cho dự phòng tích cực?

Việc thiết lập các quỹ dự trữ riêng rẽ cho các danh mục cho vay khác nhau (ví dụ như cho vay doanh nghiệp, cho vay tiêu dùng...) là tốt hơn so với một quỹ duy nhất. Việc thiết lập các quỹ dự trữ khác nhau có thể làm giảm qui mô của một khoản tổn thất lớn một cách khác thường trong một lĩnh vực kinh doanh nào đó của ngân hàng mà cần phải được bù đắp bởi một quỹ dự trữ cho tổn thất dự tính được tích lũy để bù đắp cho các tổn thất trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Nó có thể đánh lừa người sử dụng các báo cáo tài chính nếu một khoản tổn thất lớn của một món tài trợ dự án phát sinh do những yếu tố cụ thể, riêng có của dự án đó lại được bù đắp bởi một quỹ dự phòng chung của ngân hàng, do đó, có thể ngăn không cho khoản tổn thất này ảnh hưởng ngay lập tức đến tài khoản lãi và lỗ. Nếu có nhiều quỹ dự trữ riêng rẽ cho các danh mục tài sản khác nhau, các khoản tổn thất lớn chỉ được bù đắp bởi quỹ dự trữ dành riêng cho danh mục thích hợp.

Điều chỉnh theo những biến động của tổn thất dự tính và thu nhập từ lãi suất cho vay.

Nói chung, các ngân hàng thường xác định lãi suất cho vay ở một mức đủ để bù đắp tổn thất dự tính, do đó, các khoản dự phòng tích cực có thể được trích lập từ nguồn thu nhập lãi suất cho vay. Tuy nhiên, thậm chí nếu lãi suất cho vay của một khoản tín dụng ban đầu được xác định để

Bảng 2:

	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
Bảng cân đối kế toán					
Giá trị trên bảng cân đối kế toán của các khoản tín dụng	100	100	100	100	100
Tổng các khoản dự phòng cụ thể (giá trị cuối năm)	0	0	1	4	5
Tổng các khoản dự phòng cho tổn thất dự tính (giá trị cuối năm)	1	2	2	0	0
Tổng mức dự phòng (giá trị cuối năm)	1	2	3	4	5
Giá trị của các khoản vay trên bảng cân đối kế toán sau dự phòng (giá trị cuối năm)	99	98	97	96	95
Báo cáo thu nhập					
Thu nhập lãi suất ròng	2	2	2	2	2
Chi phí vốn dự phòng cho tổn thất dự tính	1	1	1	1	1
Tổng lãi và lỗ	1	1	1	1	1

HỘP 2: HỆ THỐNG DỰ PHÒNG TỔN THẤT TÍN DỤNG Ở TÂY BAN NHA

Môi trường kinh tế thuận lợi ở Tây Ban Nha trong những năm gần đây đã làm tăng chất lượng tài sản của các ngân hàng, và điều này đã dẫn đến một sự cắt giảm các khoản dự phòng tổn thất tín dụng. Ngân hàng Trung ương nước này lo ngại rằng khi các ngân hàng tiếp tục mở rộng tín dụng, một phần là do có một môi trường lãi suất thấp, các khoản dự phòng tổn thất tín dụng không tăng kịp theo tốc độ gia tăng của tổn thất tín dụng tiềm tàng trong các khoản cho vay mới. Do đó, Ngân hàng Trung ương Tây Ban Nha đã đưa ra một phương pháp dự phòng "thống kê" mới bắt đầu được sử dụng từ tháng 7/2000.

Xét trên góc độ kế toán, mục đích của phương pháp mới này là công nhận các khoản tổn thất (dự tính) được phản ánh trong thu nhập lãi suất từ các khoản tín dụng như là một chi phí trong toàn bộ kỳ hạn của các khoản vay, do đó, điều này phù hợp với sự công nhận thu nhập lãi cho vay trong tài khoản lãi và lỗ. Các khoản "dự phòng thống kê" (như một phần của dự phòng chung) được tích lũy trong thời kỳ thuận lợi và giảm xuống trong thời kỳ khó khăn. Các khoản dự phòng này là "tích cực" hay "linh hoạt" bởi vì chúng tăng lên khi các khoản dự phòng cụ thể (tức là các khoản tổn thất thực tế) cho một năm là thấp hơn so với tổn thất tín dụng dự tính, và chúng được sử dụng để bù đắp cho các khoản dự phòng cụ thể trong những năm mà các khoản dự phòng cụ thể là cao hơn các khoản tổn thất dự tính.

Dự phòng thống kê phải chịu một giới hạn trần lớn gấp 3 lần mức dự phòng hàng năm và không được khấu trừ thuế. Các khoản dự phòng chung (trong đó có một số là được khấu trừ thuế) là một tỷ lệ phần trăm cố định của các khoản dư nợ. Các khoản dự phòng thống kê và dự phòng chung không được tính vào vốn dự trữ bắt buộc tối thiểu của các ngân hàng.

Mức dự phòng thống kê có thể được tính toán bằng cách (1) sử dụng các mô hình nội bộ của chính ngân hàng hoặc (2) bởi một phương pháp chuẩn. Theo cách thứ nhất, ngân hàng dựa vào kinh nghiệm tổn thất tín dụng của mình để xác định mức dự phòng, sử dụng dữ liệu lịch sử và dự đoán các thay đổi của rủi ro tín dụng. Cách thứ hai chia các khoản tín dụng thành 6 loại, từ "không có rủi ro" đến "rủi ro cao". Mỗi loại được gán với một tỷ lệ rủi ro (bảng A) do Ngân hàng Trung ương Tây Ban Nha quy định, tỷ lệ này phản ánh mức dự phòng cụ thể ròng bình quân trong một chu kỳ kinh tế dựa vào kinh nghiệm của thời kỳ 1986-1998. Để xác định mức dự phòng cho tổn thất tín dụng dự tính, người ta lấy giá trị khoản tín dụng chịu rủi ro nhân với tỷ lệ rủi ro tương ứng. Hiện tại, phương pháp chuẩn là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhất của các ngân hàng Tây Ban Nha. Các ngân hàng nước này được yêu cầu phải công khai mức dự phòng và sự biến động của các loại dự phòng khác nhau, và phải giải thích rõ các phương pháp tính toán mức dự phòng của họ.

Bảng A: Tỷ lệ rủi ro của các loại tín dụng

Rủi ro tín dụng	Tỷ lệ rủi ro (%)
Không có rủi ro	0,0
Rủi ro thấp	0,1
Rủi ro thấp/ trung bình	0,4
Rủi ro trung bình	0,6
Rủi ro trung bình/cao	1,0
Rủi ro cao	1,5

Khi ngân hàng đã tính toán được các khoản tổn thất tín dụng dự tính, hàng quý, chúng được tính như là một khoản chi phí trừ vào thu nhập. Khoản chi phí này là chênh lệch giữa mức tổn thất tín dụng dự tính (được xác định bởi phương pháp dự phòng thống kê) và chi phí ròng thực tế đối với các khoản dự phòng cụ thể trong quý đó. Nếu các khoản dự phòng cụ thể ròng vượt quá các khoản tổn thất dự tính, một số vốn sẽ được trừ khỏi quỹ dự phòng thống kê tích lũy, miễn là quỹ này còn số dư. Do đó, chi phí cho các khoản dự phòng cụ thể phát sinh khi chất lượng tín dụng giảm sút được tính trừ vào dự phòng cho tổn thất tín dụng dự tính của năm đó và - nếu cần thiết - quỹ dự phòng thống kê đã được trích lập từ những năm trước. Điều này làm giảm các biến động hàng năm của lợi nhuận ngân hàng, với một chi phí dự phòng phản ánh mức tổn thất dự tính bình quân chứ không chỉ phản ánh mức tổn thất hiện tại.

phản ánh mức tổn thất dự tính của nó thì trong suốt kỳ hạn của khoản tín dụng này, hai yếu tố này có thể biến động khiến cho thu nhập từ lãi suất thấp hơn tổn thất dự tính. Điều này có thể phản ánh những thay đổi trong mức tổn thất dự tính hoặc một sự thay đổi trong lãi suất cho vay bởi vì việc cho vay với lãi suất cố định có thể được tài trợ bởi nguồn vốn huy động có lãi suất thả nổi. Khi thực hiện bất cứ một phương pháp dự phòng mới nào, các ngân hàng cần phải quyết định xem có cần phải trích lập các khoản dự phòng đối với những chênh lệch giữa mức tổn thất dự tính và thu nhập lãi suất cho vay hay không. Tuy nhiên, điều này sẽ đòi hỏi phải tính đến rủi ro lãi suất trong việc hạch toán kế toán cho vay, tức là tiến gần hơn đến phương pháp hạch toán theo giá trị thị trường và có thể gây ra nhiều vấn đề phức tạp khác.

Phải cập nhật một cách thường xuyên như thế nào các ước tính về tổn thất dự tính khi có các thông tin mới? Các ước tính về tổn thất dự tính có thể được xem xét lại đồng thời khi các khoản tín dụng được đánh giá lại về chất lượng theo định kỳ (hàng năm, nửa năm một lần hoặc hàng quý). Nhưng điều quan trọng là sự đánh giá lại này không được vi phạm nguyên tắc là các ước tính về tổn thất dự tính phải có tính hướng đến tương lai trong suốt kỳ hạn của các khoản tín dụng đang được đánh giá lại. Nếu các ước tính về tổn thất dự tính trong mỗi thời kỳ chủ yếu phản ánh kinh nghiệm tổn thất thực tế tại thời điểm đó, phương pháp dự phòng tích cực sẽ không khác nhiều phương pháp hạch toán chi phí quá khứ.

Một thách thức đối với các ngân hàng là phải phân biệt được các biến động trong tổn thất thực tế gây ra bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô hoặc bởi các thay đổi về cơ cấu trong nền kinh tế mà có các tác động đối với mức dự phòng thích hợp cho tổn thất dự tính.

Ngân hàng có phải tính toán mức tổn thất dự tính cho từng khoản vay riêng biệt hay cho các

danh mục cho vay? Trong việc tính toán các mức tổn thất dự tính cho các nhóm các khoản tín dụng giống nhau một cách tương đối, ví dụ như các khoản tín dụng bán lẻ, việc sử dụng phương pháp ước tính cho từng danh mục có thể là tốt hơn, mặc dù sau đó ngân hàng có thể chia nhỏ một danh mục bán lẻ thành các mục gồm các khoản tín dụng gần giống nhau về tính chất, ví dụ các khoản tín dụng để mua nhà ở. Đối với các khoản tín dụng lớn hơn, có nhiều khác biệt hơn thì các ngân hàng có thể cần phải đánh giá chúng một cách riêng rẽ để đưa ra các ước tính về tổn thất dự tính.

Ngân hàng xử lý như thế nào đối với các cam kết cho vay? Có ý kiến cho rằng không nên tính đến các cam kết cho vay khi trích lập dự phòng tổn thất tín dụng bởi vì những hạn mức tín dụng mà ngân hàng đã cam kết dành cho khách hàng có thể không được khách hàng sử dụng (rút vốn vay), và cho đến khi chúng được sử dụng thì chúng không tạo ra một dòng thu nhập lãi nào để “tao nên tấm đệm” chống lại tổn thất dự tính. Mặt khác, các cam kết này rất dễ gây ra tổn thất cho ngân hàng khi nền kinh tế bị suy thoái vì các công ty gặp phải khó khăn về nguồn vốn hay các khó khăn tài chính khác thường rút vốn vay từ các hạn mức tín dụng. Điều này cho thấy rằng các ngân hàng cần trích lập dự phòng tích cực đối với các cam kết cho vay. Về phương pháp thực hiện, có thể coi các cam kết này như một quyền chọn đối với việc vay vốn ngân hàng, nhưng một phương pháp đơn giản hơn là các ngân hàng ước tính hạn mức tín dụng sẽ thực sự được sử dụng bao nhiêu phần trăm tại thời điểm phát sinh một khoản tổn thất đối với người vay.

Ngân hàng xử lý như thế nào đối với các khoản dự phòng chung và thuế? Vì trên thực tế các khoản dự phòng chung thường được xem như các khoản dự phòng được trích lập đối với những khoản tổn thất đã xuất hiện trên sổ sách kế toán nhưng vẫn chưa được xác

định một cách cụ thể, nên các khoản dự phòng chung dường như là được đưa vào khái niệm về tổn thất dự tính. Do đó, “dự phòng chung” có thể được đưa vào dự phòng tích cực cho tổn thất dự tính.

Ở hầu hết các nước, các khoản dự phòng cụ thể là có thể được giảm thuế. Nhưng ở một số nước, ví dụ như ở Anh, các khoản dự phòng chung là không được giảm thuế. Nếu người ta thống nhất với nhau rằng thu nhập của ngân hàng được đo lường một cách đúng đắn hơn khi trừ đi các khoản tổn thất dự tính thì về nguyên tắc, thước đo này có thể được xem xét để sử dụng trong việc tính toán thu nhập chịu thuế. Điều này có thể liên quan tới một sự thay đổi đối với các luật thuế ở một số nước, và các cơ quan thuế cần phải được đảm bảo rằng sự thay đổi này không tạo thêm cơ hội cho các ngân hàng lẩn tránh các nghĩa vụ đóng thuế của họ.

ỔN ĐỊNH THU NHẬP CỦA NGÂN HÀNG

Phương pháp dự phòng tích cực có thể khiến cho các tài khoản của ngân hàng trở nên kém minh bạch hơn, bởi vì thu nhập của các ngân hàng sẽ được tính trừ đi các khoản tổn thất dự tính chứ không phải tổn thất thực tế. Trong trường hợp cực đoan, các ước tính về tổn thất dự tính có thể được nhào nặn để ổn định mức thu nhập giữa các năm, ví dụ như bằng cách tăng mức ước tính về tổn thất dự tính trong những thời kỳ mà thu nhập của ngân hàng cao một cách đặc biệt. Những hành vi bóp méo thu nhập như vậy sẽ khiến cho các nhà đầu tư và người gửi tiền khó đánh giá hơn về tình hình tài chính của một ngân hàng và đây cũng là một mối quan tâm đối với các cơ quan thuế.

Tuy nhiên, có thể xây dựng một loạt các biện pháp kiểm tra và giám sát việc thực hiện phương pháp dự phòng tích cực. Những biện pháp này có thể phù hợp với các chuẩn mực được đưa vào trong Hiệp ước Basel 2 đối với việc ngân hàng sử dụng các số liệu về xác suất vỡ nợ và

mức tổn thất dự tính. Yêu cầu then chốt là những ước tính về mức tổn thất dự tính phải phản ánh kinh nghiệm tổn thất và các bằng chứng thực tế thích hợp, mặc dù các chuẩn mực này cũng có thể giải quyết những vấn đề như việc sử dụng các mô hình tính toán mức tổn thất dự tính, việc ghi chép và lưu trữ số liệu, cơ chế quản lý của ngân hàng mà trong đó các ước tính được hình thành, đánh giá và điều chỉnh. Hơn nữa, các ngân hàng có thể được yêu cầu phải công khai trước các ước tính về mức tổn thất dự tính và các tổn thất thực tế sau đó. Biện pháp này có thể giúp đánh giá đúng đắn hơn về tính đáng tin cậy của các ước tính về tổn thất dự tính được sử dụng bởi ngân hàng.

Hơn nữa, trong các báo cáo tài chính của các ngân hàng, có thể phải yêu cầu rằng các chi tiết của các bút toán đối với các khoản tổn thất dự tính, cùng với các khoản tổn thất thực tế, phải được trình bày một cách rõ ràng trên mặt của bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập. Biện pháp này sẽ nâng cao tính minh bạch về tác động của phương pháp dự phòng tích cực đối với các kết quả tài chính của các ngân hàng.

KẾT LUẬN

Việc xem xét áp dụng phương pháp dự phòng tích cực sẽ có thể đem lại nhiều lợi ích cho các ngân hàng nói chung. Biện pháp này có thể làm giảm sự biến động nhân tạo của thu nhập ngân hàng phát sinh từ một sự chênh lệch về thời điểm giữa thu nhập từ lãi suất cho vay được dùng để bù đắp tổn thất dự tính và các khoản tổn thất thực sự trở thành hiện thực.

Mục đích của biện pháp này không phải là để ổn định lợi nhuận – điều mà các nhà thiết lập các chuẩn mực kế toán phản đối. Ngược lại, sự biến động tự nhiên của lợi nhuận ngân hàng sẽ tiếp tục được ghi nhận như vậy, ví dụ như những biến động có nguồn gốc từ các tổn thất tín dụng lớn ngoài dự tính. Việc xác định tổn thất dự tính dài hạn cho các khoản vay/danh mục khác nhau có liên quan đến các yếu tố của sự đánh giá chủ quan, nhưng điều này cũng đúng đối với các yếu tố khác của các chuẩn mực kế toán, bao gồm cả các chuẩn mực kế toán hiện tại về dự phòng tổn thất tín dụng.

Một yếu tố quan trọng trong sự thành công của bất cứ hệ thống dự phòng tổn thất tín dụng nào sẽ là độ đáng tin cậy của các ước tính của

ngân hàng về các khoản tổn thất dự tính dài hạn. Ở những ngân hàng đạt được trình độ cao trong quản lý rủi ro tín dụng, họ sử dụng các hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để ước tính xác suất vỡ nợ của các loại tín dụng khác nhau và sau đó kết hợp với một ước tính về mức tổn thất tín dụng trong trường hợp người vay vỡ nợ (LGD) để đưa ra mức tổn thất dự tính. Khi được khởi tạo, các khoản tín dụng thường được phân vào một dải tần suất vỡ nợ và mỗi khoản vay thường được gán một tỷ lệ trích lập vốn dự phòng để phản ánh tần suất vỡ nợ đó. Chất lượng tín dụng được đánh giá lại qua thời gian và những khoản tín dụng này được luân chuyển giữa các dải tần suất vỡ nợ để phản ánh mức độ rủi ro hiện tại của chúng. Kinh nghiệm của các ngân hàng trong việc chuẩn bị thực hiện Hiệp ước Basel 2 có thể cung cấp cho các ngân hàng trung ương các chứng cứ về tính chính xác của các ước tính của ngân hàng về mức tổn thất dự tính và về cách thức mà những ước tính này được đưa vào một hệ thống dự phòng tổn thất dự tính tích cực. ■

(Theo "Dynamic provisioning: issues & application", Fiona Mann & Ian Michael, Bank of England)

VỀ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) là một lĩnh vực hoạt động tài chính – bảo hiểm tương đối mới mẻ không chỉ đối với Việt Nam mà với cả nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Xuất phát từ vai trò và những đóng góp quan trọng của loại hình này đối với sự phát triển ổn định của nền kinh tế - tài chính cũng như các mục tiêu ổn định xã hội, nhiều quốc gia rất

ThS. Lê Việt Nga *

coi trọng vấn đề này và đã thành lập tổ chức BHTG có quy mô và phạm vi hoạt động khác nhau. BHTG đã khẳng định được sự cần thiết của mình và đang tiếp tục phát triển vững chắc.

Ở Việt Nam, lĩnh vực BHTG ra đời và đang trong quá trình phát triển cũng đặt ra yêu cầu bức xúc, cần sớm có nhiều nghiên cứu

đóng góp cho việc hoàn thiện khuôn khổ luật pháp, chính sách về BHTG để phục vụ tốt các chính sách, mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Để tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống BHTG, đối với

* Chi nhánh BHTG Khu vực Hà Nội